TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2017
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thưởng
Bà Phan Thị Thu Thảo

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 141/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2017 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Đỗ Thị T**, sinh năm 1982 (có mặt).
ĐKTT: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.
Địa chỉ tạm trú: ấp D, xã E, thành phố F, tỉnh Tiền Giang.
* *Bị đơn:* **Anh Lý Văn H**, sinh năm 1981 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2017, bản tự khai ngày 28/3/2017 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Chị và anh Lý Văn H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, gia đình anh H khó khăn, nên chị T đã nhiều lần bỏ về nhà cha mẹ ruột ở. Nhưng anh H năn nỉ chị vì tương lai của con và vì hạnh phúc gia đình, chị đã cố gắng vun đắp nhưng không đạt được. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2010 đến nay. Nay chị T

xác định không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý Văn H.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh H có 02 người con chung tên Lý Văn Bảo N, sinh ngày 13/11/2004 và cháu Lý Văn Khánh N sinh ngày 25/5/2007. Hiện nay, hai người con chung đang sống với anh H. Sau khi anh chị ly hôn, chị đồng ý để anh H tiếp tục nuôi hai người con chung, chị không cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: chị T và anh H không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Bến Tre bị đơn anh Lý Văn H trình bày:

Anh và chị T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào thời gian nào anh không nhớ nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được 06 năm và có hai con chung tên Lý Văn Bảo N, sinh ngày 13/11/2004 và cháu Lý Văn Khánh N sinh ngày 25/5/2007. Khi bé Khánh N khoảng 01 tuổi thì chị T bỏ nhà đi đến nay, không về thăm con. Nguyên nhân chị T bỏ nhà đi là do chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác bên ngoài. Anh và chị T sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh, anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh H có 02 người con chung tên Lý Văn Bảo N, sinh ngày 13/11/2004 và cháu Lý Văn Khánh N, sinh ngày 25/5/2007. Hiện nay, hai người con chung đang sống với anh H. Sau khi anh chị ly hôn, anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi hai người con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: chị T và anh H không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lý Văn H dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải và công khai chứng cứ tại tòa, cũng như vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng và quan hệ tranh chấp: chị T và anh H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H, quyền yêu cầu giải quyết ly hôn của chị T được Tòa án xem

xét giải quyết theo qui định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Lý Văn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt anh H là phù hợp quy định của pháp luật.

Về hôn nhân: Xét lời trình bày của chị T thì sau khi kết hôn, chị T và anh H sống hạnh phúc đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, gia đình bên chồng khó khăn. Chị T và anh H đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Anh H mặc dù biết được việc chị T ly hôn nhưng vẫn không tham dự hòa giải và trong thời gian vợ chồng sống ly thân khoảng 08 năm, anh chị không có liên lạc và không tạo cơ hội để đoàn tụ cùng nhau, chứng tỏ anh H cũng không quan tâm đến cuộc sống và tình cảm vợ chồng. Qua kết quả xác minh cũng cho thấy anh chị không có liên lạc và hiện tại không còn sống chung với nhau. Tại biên bản làm việc ngày 20/6/2017, ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đối với ông Lý Văn T (cha ruột anh H) và anh Lý Văn H thì anh H có nhận thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án về việc chị T khởi kiện xin ly hôn với anh H nhưng do anh H bận đi làm nên không đến Tòa án dự các phiên họp trên. Theo anh H, chị T đã bỏ nhà đi khoảng 08 năm nay, không có liên lạc với anh H cũng không về thăm hai người con chung của chị T anh H. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H thì anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy: tại các biên bản làm việc ngày 20/6/2017, 14/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tại địa phương cho thấy chị T đã đi về nhà cha mẹ ruột sống cách đây khoảng 08 năm, chị T không có liên lạc với anh H cũng như anh chị không tìm giải pháp hàn gắn tình cảm gia đình. Điều này cho thấy đời sống hôn nhân của anh H, chị T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng không được đảm bảo. Mặt khác, tại phiên tòa chị T cho rằng tình cảm của chị và anh H là không thể hàn gắn lại được, có chung sống với nhau cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Mục đích hôn nhân của anh chị là không thể đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị T là phù hợp với qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: chị T và anh H có 02 người con chung tên Lý Văn Bảo N, sinh ngày 13/11/2004 và cháu Lý Văn Khánh N, sinh ngày 25/5/2007. Hiện nay, hai người con chung đang sống với anh H. Sau khi anh chị ly hôn, chị T đồng ý để anh H tiếp tục nuôi hai người con chung, chị không cấp dưỡng nuôi hai con chung. Tại biên bản làm việc ngày 10/8/2017, anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi hai người con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi hai con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc anh H được nuôi hai con chung là phù hợp vì từ khi chị T bỏ nhà đi đến nay cháu Bảo N và Khánh N sống với anh H, hai cháu lại là bé trai, anh H nuôi hai con cũng đảm bảo được điều kiện về vật chất và tinh thần (điều này cũng được chính quyền địa phương xác nhận) đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu

Bảo N và Khánh N. Vì vậy, việc anh H được nuôi hai người con chung là có cơ sở. Anh H không yêu cầu chị Thu cấp dưỡng nuôi hai người con chung, đây là sự tự nguyện của anh H nên ghi nhận.

Về tài sản chung: chị T anh H khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: chị T anh H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị Đỗ Thị T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị T với anh Lý Văn H. Chị Đỗ Thị T được quyền ly hôn với anh Lý Văn H.

2. Về con chung:

Anh Lý Văn H được nuôi hai người con là cháu Lý Văn Bảo N, sinh ngày 13/11/2004 và cháu Lý Văn Khánh N, sinh ngày 25/5/2007.

Ghi nhận anh Lý Văn H không yêu cầu chị Đỗ Thị T cấp dưỡng nuôi hai người con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: chị T anh H khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: chị T anh H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đỗ Thị T phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009922 ngày 30/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị Đỗ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lý Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Nga